

TRUNG TÂM
THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH
Tuần 32 (08/8-12/8/2022)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

OPEC hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu xuống còn 3,1%;
Kinh tế Anh lại suy giảm nhẹ;
Giá sản xuất tại Mỹ giảm lần đầu tiên trong vòng hơn 2 năm qua; Giá sản xuất Trung Quốc, Nhật đều giảm;
Lạm phát ở Trung Quốc tăng thấp hơn dự báo nhưng vẫn đạt mức cao nhất từ tháng 7/2020;
NHTW Thái Lan tăng lãi suất lần đầu tiên trong vòng 4 năm qua.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

Giảm thuế nhập khẩu mặt hàng xăng, dầu;
Nhu cầu vàng tăng 11% yoy, Vàng trang sức là khoản đầu tư được sở hữu nhiều thứ ba tại Việt Nam;
Lãi suất LNH giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn;
Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng giảm;
Lũy kế từ đầu năm 2022, TPCP và TP có bảo lãnh CP đã huy động được 94.422 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu;

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/- 1W	%+/- M	%+/- Y
Qua đêm	3,30	-0,86	2,52	2,57
1 Tuần	3,48	-0,60	1,99	2,05
2 Tuần	3,11	-1,45	0,65	0,88
1 Tháng	4,59	0,32	1,79	2,36
3 Tháng	5,29	0,50	1,41	2,70
6 Tháng	6,38	1,13	2,24	3,16
9 Tháng*	6,32	0,10	1,83	3,06

Ghi chú: Ngày áp dụng 11/8/2022

Nguồn: NHNN

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	Khối lượng gói thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
8/8/2022	7	2,5	10.000	8/5	2.999,99	4,4
9/8/2022	7	2,5	10.000	5/3	2.999,99	4,4
10/8/2022	7	2,5	10.000	3/2	999,99	3,8
11/8/2022	7	2,5	10.000	1/1	338,86	4,0
12/8/2022	7	2,5	10.000	1/1	364,52	3,8
Tổng cộng			50.000		10.999,95	

Nguồn: NHNN

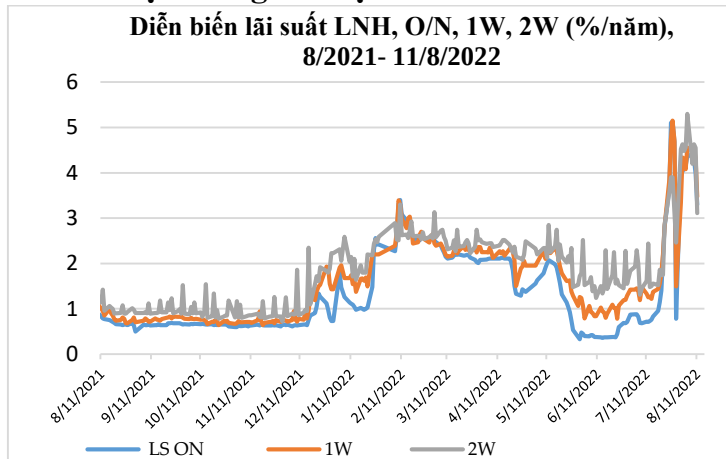
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2022		Tuần 32 (8/8/2022 - 12/8/2022)		
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1.49		1.09		
Tỷ lệ trúng thầu (%)		43%		53%		
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)		
1	3 Năm	15.000		500		
2	5 Năm	16.500		1.500		
3	7 Năm	3.000				
4	10 Năm	82.800		4.000		
5	15 Năm	75.700		3.500		
6	20 Năm	10.500				
7	30 Năm	17.000				
	Tổng	220.500		9.500		
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	
1	3 Năm	14.100	2,2 - 3,8	1.000	3,8 - 3,8	
2	5 Năm	12.835	1,55 - 3,9	1.435	2,2 - 3,9	
3	7 Năm	6.050	1,3 - 2,95			
4	10 Năm	152.857	2,05 - 4,5	4.350	2,72 - 4,2	
5	15 Năm	117.305	2,33 - 4,3	3.600	3 - 3,9	
6	20 Năm	6.915	2,73 - 3,5			
7	30 Năm	19.560	2,94 - 3,6			
	Tổng	329.622		10.385		
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Tuần trước +/- điểm %
1	3 Năm	4.700	2,3 - 2,4	0	0 - 0	
2	5 Năm	300	2,39 - 2,7	0	0 - 0	
3	7 Năm	0	0 - 0			
4	10 Năm	44.777	2,07 - 2,72	2.500	2,72-2,72	+0,05
5	15 Năm	33.755	2,35 - 3	2.500	3 - 3	+0,06
6	20 Năm	2.265	2,75 - 2,75			
7	30 Năm	8.625	2,96 - 3,01	0		
	Tổng	94.422		5.000		

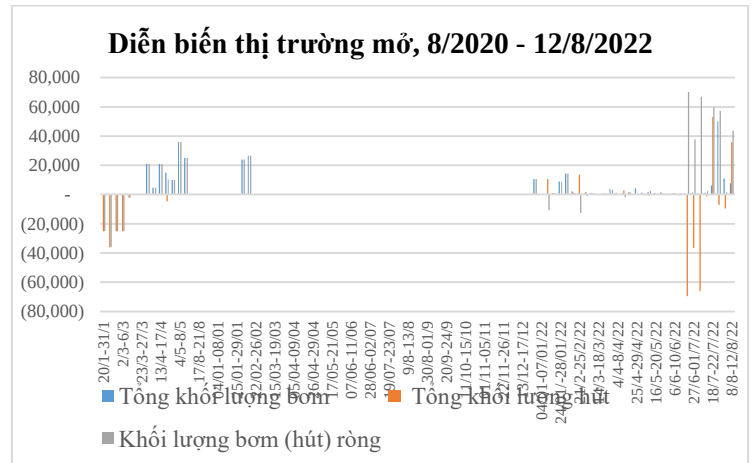
Nguồn: HNX

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

1. Thị trường tiền tệ

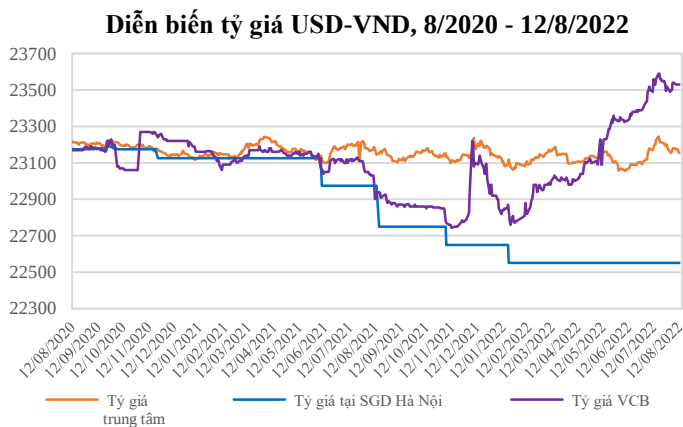


Nguồn: NHNN

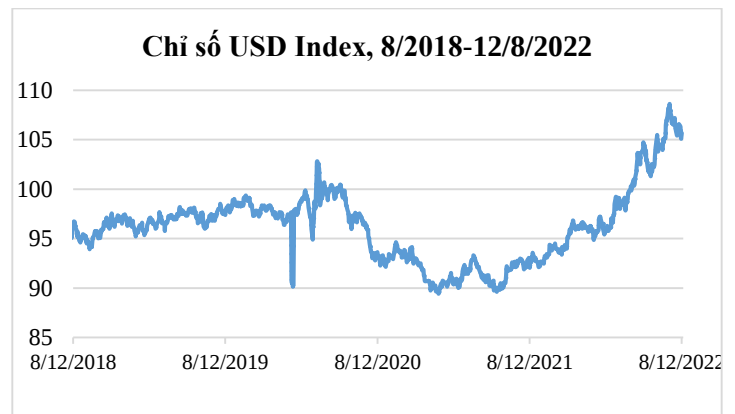


Nguồn: NHNN

Thị trường ngoại hối



Nguồn: NHNN

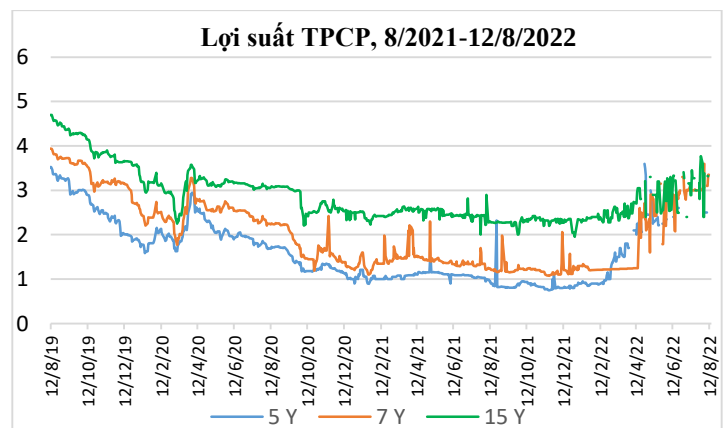


Nguồn: Trading economics

2. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX



Nguồn: HNX

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ QUỐC TẾ TUẦN 32 (08/8-12/8/2022)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	2.50%	1.75 %	27/07/2022	05/09/2022
ECB	EURO Zone	0.00%	0.05 %	10/03/2016	08/09/2022
BOJ	Nhật Bản	-0.10%	0.00 %	29/01/2016	22/09/2022
PBoC	Tr/Quốc	3.70%	3.85 %	20/01/2022	NA
RBA	Úc	1.85%	1.35 %	02/08/2022	06/09/2022
BoE	Anh	1.75%	1.25 %	04/08/2022	15/09/2022
BOK	Hàn Quốc	1.75%	1.50 %	24/05/2022	25/08/2022
BI	Indonesia	3.50%	3.75 %	18/02/2021	23/08/2022
BNM	Malaysia	2.00%	1.75 %	11/05/2022	08/09/2022
BOT	Thái Lan	0.50%	0.25%	30/03/2022	12/09/2022
CBR	Nga	9.50%	11.00%	26/05/2022	16/09/2022

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo tuần	+/_ % theo tháng	+/_ % YoY
EURUSD	1.02571	0.77%	2.22%	-13.04%
GBPUSD	1.21390	0.56%	2.37%	-12.43%
AUDUSD	0.71200	3.01%	5.75%	-3.29%
USDJPY	133.455	-1.15%	-3.00%	21.77%
USDCNY	6.73620	-0.45%	0.17%	4.02%
USDCAD	1.27730	-1.21%	-1.53%	2.08%
USDRUB	60.5000	0.00%	3.51%	-17.30%
USDKRW	1301.31	-0.07%	-0.26%	12.05%
DXY	105.6310	-0.93%	-2.15%	14.17%
USDTHB	35.3300	-1.20%	-2.38%	6.00%
USDSGD	1.37110	-0.73%	-2.34%	1.21%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
United States	2.8490	0.00%	-0.06%	1.56%
UK	2.1110	0.06%	0.05%	1.54%
Japan	0.1890	0.02%	-0.05%	0.17%
Australia	3.4510	0.33%	0.03%	2.23%
Germany	0.9900	0.03%	-0.16%	1.45%
China	2.7390	0.00%	-0.07%	-0.16%
Hong Kong	2.6940	0.14%	-0.38%	1.59%
Indonesia	6.9710	-0.17%	-0.27%	0.59%
Malaysia	3.9810	0.04%	-0.06%	0.76%
Philippines	5.9400	-0.16%	-0.85%	1.85%
Singapore	2.6880	0.06%	-0.14%	1.23%
South Korea	3.3030	0.18%	0.00%	1.38%
Taiwan	1.1880	0.06%	-0.07%	0.82%
Thailand	2.4600	0.02%	-0.06%	0.89%
Vietnam	3.6180	-0.09%	0.26%	1.46%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_ % 1 W	+/_ % 1 M	+/_ % YTD	+/_ % 1Y	+/_ % 3 Y
Dow Jones	+2.93%	+7.91%	-7.09%	-4.94%	+31.99%
S&P 500	+3.26%	+10.79%	-10.20%	-4.20%	+50.31%
Nasdaq	+3.08%	+13.93%	-16.60%	-11.98%	+67.99%
DAX	+1.63%	+7.24%	-13.15%	-13.65%	+20.88%
FTSE 100	+0.82%	+4.78%	+1.58%	+3.91%	+6.14%
CAC 40	+1.26%	+8.58%	-8.38%	-4.96%	+25.15%
Euro Stoxx 50	+1.38%	+8.62%	-12.13%	-10.71%	+15.05%
Nikkei 225	+1.32%	+6.56%	-0.85%	+2.04%	+39.90%
Shanghai	+1.55%	+1.51%	-9.97%	-6.81%	+16.38%
Hang Seng	-0.13%	-0.60%	-13.77%	-23.55%	-20.87%
SET	+1.32%	+5.80%	-2.13%	+6.15%	+1.14%
KOSPI	+1.49%	+8.45%	-15.10%	-20.29%	+30.42%
IDX	+0.63%	+7.18%	+8.32%	+16.12%	+13.93%
PSEi	+4.59%	+8.14%	-5.94%	+6.00%	-14.42%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Crude Oil USD/Bbl	91.853	3.19%	-2.11%	34.21%
Natural gas USD/MMBtu	8.7650	8.69%	33.02%	127.01%
Gasoline USD/Gal	3.0392	6.43%	-1.34%	34.32%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	1801.93	1.57%	3.84%	1.28%
Silver USD/t.oz	20.804	4.67%	8.41%	-12.37%
Lithium CNY/T	477500	0.21%	0.42%	382.32%
Platinum SD/t.oz	962.50	3.27%	12.60%	-6.24%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
Copper USD/Lbs	3.6835	3.67%	10.78%	-16.04%
Steel CNY/T	4135.00	1.82%	5.22%	-22.61%
Iron Ore USD/T	113.00	1.35%	4.15%	-29.60%
Aluminum USD/T	2435.50	0.81%	3.07%	-6.64%
Tin USD/T	25177	2.95%	-0.74%	-29.02%
Zinc USD/T	3600.00	3.20%	22.72%	18.95%
Nikel USD/T	22964	3.67%	8.87%	16.94%
Coal USD/T	407.65	12.92%	-5.64%	136.66%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 14/8/2022

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Nguy cơ suy thoái kinh tế toàn cầu

OPEC hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2022 có thể đạt mức 3,1%, so với mức dự báo tháng trước là 3,5%. Giả sử không có tác động giảm sút bất thường do thắt chặt tài chính, đại dịch và tình hình địa chính trị ở Đông Âu, tăng trưởng toàn cầu cũng được dự báo ở mức 3,1% trong năm tới, so với 3,2% dự báo tháng trước. Xu hướng này cũng phản ánh sự bình thường hóa mức tăng trưởng ở các nền kinh tế trên toàn thế giới, sau khi các gói kích thích lớn được triển khai trong thời kỳ đại dịch. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu một lần nữa đang hướng về mức tăng trưởng tiềm năng (tương đương mức dự báo hiện tại).

Kinh tế Anh lại suy giảm nhẹ

GDP của Anh giảm 0,1% trong quý II/2022 so với quý trước đó, thấp hơn dự báo giảm 0,3%. Quý I, GDP của quốc gia này tăng 0,8%. Ngân hàng trung ương Anh cảnh báo nền kinh tế quốc gia này sẽ bước vào cuộc suy thoái dài nhất kể từ khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 trong quý IV tới. Lạm phát được dự báo chạm đỉnh ở ngưỡng 13% vào tháng 10 tới.

Mỹ: Tốc độ lạm phát giảm mạnh

Ngày 10/8/2022, Bộ Lao động Mỹ công bố CPI Mỹ tăng 8.5% trong tháng 7, thấp hơn so với dự báo 8.7% (tháng trước là 9.1%). So với tháng trước, CPI tháng 7 gần như đi ngang. Lạm phát lõi – loại trừ giá thực phẩm và năng lượng – tăng trưởng 5.9% trong giai đoạn 12 tháng và tăng 0.3% so với tháng trước.

Giá sản xuất giảm lần đầu tiên trong vòng hơn 2 năm qua

(Tháng 7/Giá tháng 6/Giá dự báo (% MoM))

PPI tháng 7/2022 (MoM): -0,5%/+1%/+0,2%.

Nguyên nhân chủ yếu do giá xăng giảm 16,7%.

So với cùng kỳ năm trước, PPI giảm 9,8%.

Giá xuất, nhập khẩu giảm trong tháng 7:

Xuất khẩu: -3,3%/+0,7%/-1,1%

Đây là mức giảm giá xuất khẩu lần đầu tiên trong vòng 7 tháng qua và cũng là mức giảm

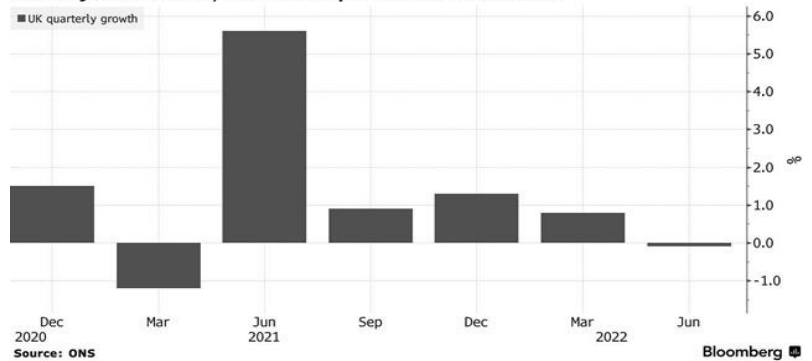
Tăng trưởng kinh tế toàn cầu và mức độ điều chỉnh (%, so sánh PPP với mức 2017)

Table 3 - 1: Economic growth rate and revision, 2022–2023*, %

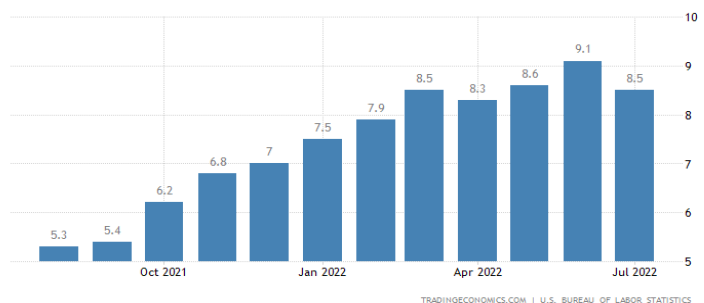
	World	OECD	US	Euro-zone	UK	Japan	China	India	Brazil	Russia
2022	3.1	2.5	1.8	3.2	3.5	1.4	4.5	7.1	1.2	-6.0
Change from previous month	-0.4	-0.4	-1.2	0.2	0.0	-0.2	-0.6	0.0	0.0	0.0
2023	3.1	1.8	1.7	1.7	1.2	1.6	5.0	6.0	1.5	1.2
Change from previous month	-0.1	-0.3	-0.4	-0.3	0.0	-0.1	0.0	0.0	0.0	0.0

Note: * 2022 and 2023 = Forecast. The GDP numbers have been adjusted to reflect 2017 ppp.

UK Economy Returned to Contraction in Second Quarter Economy shrank 0.1%, the first drop since Covid lockdowns

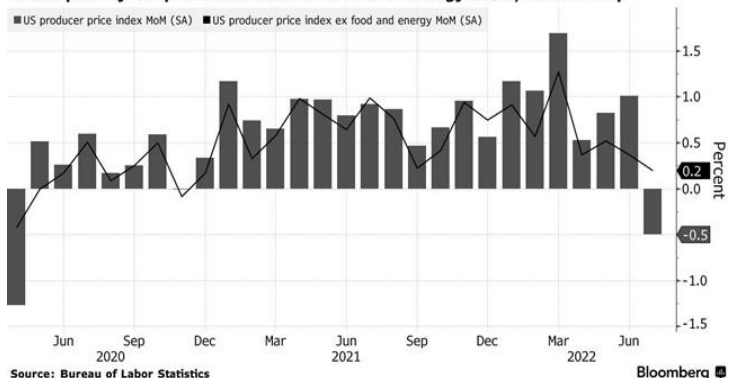


Nguồn: OPEC/Bloomberg/CNBC



Producer Prices Cool

Prices paid by US producers declined on lower energy costs, core still up



trong 1 tháng mạnh nhất kể từ tháng 4/2020. Giá sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp thấp hơn đóng góp phần lớn vào mức giảm. So cùng kỳ năm trước, giá xuất khẩu giảm 13,1%. Nhập khẩu: -1,4%/+0,3%/-1%. Giá nhập khẩu giảm mạnh hơn dự kiến; giảm lần đầu tiên từ tháng 12/2021 do giá nhập nhiên liệu giảm 7,5% (tháng 6 tăng 6,2%), trong khi giá nhập khẩu hàng phi nhiên liệu giảm 0,5%. So cùng kỳ năm trước, giá nhập khẩu tăng 8,8%.

Trung Quốc: Lạm phát tăng thấp hơn dự báo nhưng vẫn là cao nhất từ tháng 7/2020

(Lạm phát tháng 7/so với tháng 6/so với dự báo)
Lạm phát tháng 7 yoy: +2,7%/2,5%/2,9%;
(+ 0,5% MoM –cao nhất trong vòng 5 tháng).
Đây là mức tăng cao nhất kể từ tháng 7/2020, chủ yếu do giá lương thực và thịt lợn tăng sau khi cắt giảm sản lượng và nhu cầu hồi phục mạnh.
Giá lương thực: +6,3%/2,9%-cao nhất 22 tháng.
Phi lương thực +1,9%/2,5%.
Lạm phát mục tiêu là 3%.

Giá sản xuất Trung Quốc, Nhật đều giảm

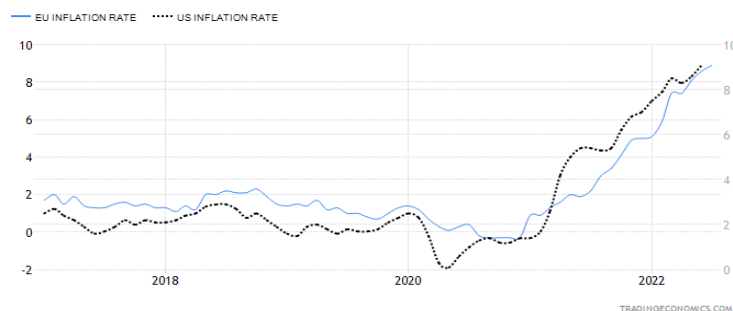
(Giá tháng 7 yoy/so với tháng 6/so với dự báo)
Trung Quốc: +4,2%/6,1%/4,8%
Nhật Bản: +8,6%/9,4%/8,4% (+0,4% MoM)
Giá sản xuất Trung Quốc giảm do chi phí nguyên vật liệu thô giảm vì hoạt động xây dựng chậm lại.
Giá sản xuất Nhật Bản đã tăng 17 tháng liên tiếp, số liệu tháng 7 là mức tăng thấp nhất kể từ tháng 12/2021 cho thấy áp lực lạm phát từ giá nguyên vật liệu đang giảm đi.

Giá hàng hóa thế giới

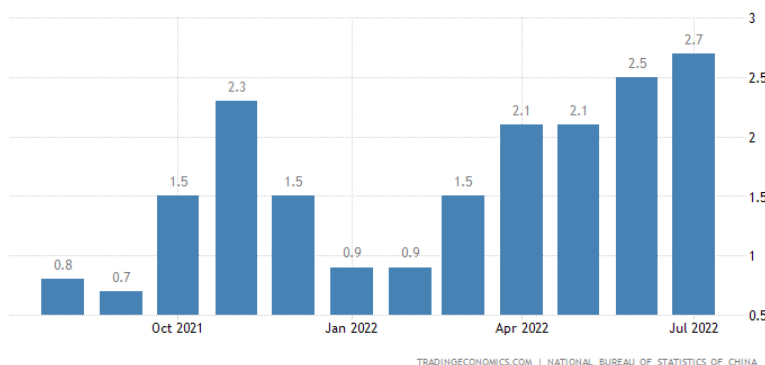
Kết thúc phiên giao dịch ngày cuối tuần trước (12/8/2022), hợp đồng vàng giao ngay tiến 0,6% lên 1.800,19 USD/oz và tăng hơn 1% trong tuần qua. Hợp đồng vàng tương lai tăng 0,54% lên 1.817 USD/oz.

Giá vàng được hỗ trợ bởi lợi suất trái phiếu Mỹ suy yếu và đã có tuần tăng thứ 4 liên tiếp, khi thị trường đã có dữ liệu lạm phát gần đây của Mỹ. Lũy kế nửa đầu năm nay, nhu cầu vàng toàn cầu đã giảm 12% so với cùng kỳ năm ngoái, xuống còn 526 tấn. Tuy nhiên, các ngân hàng trung ương trên thế giới đã mua ròng trong quý II/2022, tăng dự trữ chính thức toàn cầu lên 180 tấn. Lũy kế, các ngân hàng trung ương trên thế giới mua ròng đạt 270 tấn trong nửa đầu năm nay. (Thông tin từ Hội đồng vàng thế giới)

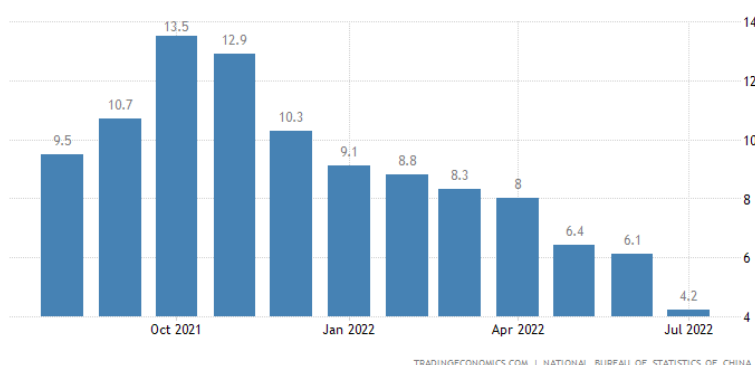
Lạm phát ở Mỹ và châu Âu



Nguồn: BEA/Bloomberg/Tradingeconomics



Nguồn: NBS/Tradingeconomics



Kết thúc phiên giao dịch ngày 12/08/2022, dầu Brent lùi 1,47 USD (tương đương 1,5%) xuống 98,13 USD/thùng; dầu WTI mất 2,08 USD (tương đương 2,2%) còn 92,26 USD/thùng. Tựu chung, dầu Brent đã tăng 3,5% trong tuần này, sau khi giảm mạnh tới 14% trong tuần trước do lo ngại về sự gia tăng lạm phát và lãi suất sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế và nhu cầu nhiên liệu. Hợp đồng dầu WTI vọt 3,7% trong tuần này.

Ngày 11/8, Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) đã hạ dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu trong năm 2022 khoảng 260.000 thùng/ngày. OPEC hiện dự báo nhu cầu sẽ tăng 3,1 triệu thùng/ngày trong năm nay.

Trong khi đó, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) đã nâng dự báo triển vọng nhu cầu lên 2,1 triệu thùng/ngày, với lý do chuyển từ xăng sang dầu trong sản xuất điện.

Thị trường dầu cũng chịu tác động trái chiều về nhu cầu dầu của OPEC và IEA.

II. Thị trường tài chính

NHTW các nước

NHTW Thái Lan: Tăng lãi suất lần đầu tiên trong vòng 4 năm qua

Trong cuộc họp chính sách tháng 8/2022, Ngân hàng Trung ương Thái Lan (BOT) đã tăng lãi suất cơ bản thêm 0,25 điểm cơ bản lên 0,75% - đây là lần tăng đầu tiên trong gần 4 năm đúng như thị trường dự báo.

Lạm phát hàng năm ở Thái Lan bắt ngờ giảm xuống 7,61% vào tháng 7/2022 từ mức cao nhất gần 14 năm trong tháng 6 là 7,66%. BOT đánh giá sự phục hồi kinh tế Thái Lan đang tiến triển tốt, chủ yếu là do lượng khách du lịch nước ngoài tăng cao hơn dự kiến.



Nguồn: www.bot.or.th/Tradingeconomics

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô

Giảm thuế nhập khẩu mặt hàng xăng, dầu

Ngày 08/08/2022, Chính phủ ban hành Nghị định số 51/2022/NĐ-CP sửa đổi mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đối với mặt hàng xăng thuộc nhóm 27.10 tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế ban hành kèm theo Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 1/9/2016 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và Nghị định số 125/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP.

Cụ thể, sửa đổi mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi (MFN) đối với mặt hàng xăng thuộc nhóm 27.10 quy định tại Phụ lục II - Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo Danh mục mặt hàng chịu thuế quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ thành các mức thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi mới quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 51/2022/NĐ-CP.

Theo đó, điều chỉnh giảm mức thuế suất thuế nhập khẩu đối với mặt hàng xăng động cơ, không pha chì (thuộc mã HS từ 2710.12.21 đến 2710.12.29) từ 20% xuống 10%.

- Tỷ trọng thuế trong giá cơ sở xăng dầu của nước ta hiện nay vẫn thấp hơn mức bình quân chung. Tỷ trọng thuế trong giá cơ sở xăng dầu ở nhiều nước hiện nay chủ yếu trong khoảng 40% - 55% đối với xăng và 35% - 50% đối với dầu (ngoại trừ một số quốc gia có trữ lượng dầu mỏ lớn thì có tỷ trọng thấp hơn). Trong khi đó, ở nước ta, với mức thuế bảo vệ môi trường đang được giảm về mức sàn theo nghị quyết đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) thông qua thì tỷ trọng thuế trong giá cơ sở xăng dầu vào khoảng 19,39% đối với xăng E5RON92, 21,95% đối với xăng RON95 và khoảng 11,05% đối với dầu diesel.

Hiện nay, mặt hàng xăng được nhập khẩu chủ yếu từ các quốc gia có ký kết Hiệp định FTA với Việt Nam nên thuộc diện được áp dụng mức thuế suất thuế nhập khẩu FTA thấp hơn so với mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN. Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, năm 2021, tổng kim ngạch nhập khẩu có thuế mặt hàng xăng dầu của nước ta là 475,26 triệu USD, trong đó nhập khẩu từ các nước có ký kết Hiệp định FTA với nước ta là 474,1 triệu USD (chiếm 99,7%) và trong 5 tháng đầu năm 2022, tổng kim ngạch nhập khẩu có thuế mặt hàng xăng là 826,53 triệu USD, cơ bản cũng được nhập khẩu từ các nước có ký kết hiệp định FTA với nước ta.

Như vậy, có thể thấy với tỷ trọng xăng nhập khẩu theo thuế suất thuế nhập khẩu MFN hiện nay là thấp, theo đó, trong trường hợp các điều kiện khác không thay đổi thì việc điều chỉnh giảm mức thuế suất thuế nhập khẩu MFN đối với mặt hàng xăng theo phương án dự kiến cơ bản sẽ không có nhiều tác động đến thu ngân sách nhà nước.

Nguồn: BTC/

Nhu cầu vàng tăng 11% yoy, Vàng trang sức là khoản đầu tư được sở hữu nhiều thứ ba tại Việt Nam.

Hội đồng vàng thế giới (WGC) đánh giá, nhu cầu vàng của người tiêu dùng tại Việt Nam đã tăng từ 12,6 tấn trong quý II/2021, lên 14 tấn trong quý II/2022, tương ứng tăng 11%. Nguyên nhân đến từ tổng nhu cầu vàng thỏi và vàng đồng tăng 5%, từ 9,1 tấn lên 9,6 tấn; nhu cầu vàng trang sức tăng 28%, từ 3,5 tấn lên 4,5 tấn.

Vàng trang sức là khoản đầu tư được sở hữu nhiều thứ ba tại Việt Nam. Điều đó cho thấy tầm quan trọng của vàng trang sức với vị thế như một tài sản tài chính và vai trò của nó trong nền kinh tế Việt Nam.

- Do lo ngại về tình trạng lạm phát leo thang và sự suy yếu của đồng Việt Nam, các nhà đầu tư đã tìm đến vàng để phòng rủi ro. Điều này được phản ánh qua mức phí bảo hiểm cao kỷ lục đối với đầu tư vàng miếng trong nước. Không chỉ có vàng miếng, vàng thỏi, nhu cầu trang sức vàng cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái, do giá vàng trong nước giảm và tâm lý lạc quan của người tiêu dùng trong bối cảnh phục hồi kinh tế toàn cầu, cùng với gói kích cầu 350.000 tỷ đồng (tương đương 15 tỷ USD) mà Chính phủ Việt Nam đề ra.

- Lạm phát là điều người tiêu dùng luôn lo ngại và vàng đã được công nhận là tài sản giúp bảo vệ khỏi những lo ngại đó. Có 79% người Việt Nam tin rằng, vàng là biện pháp phòng hộ tốt nhất trước lạm phát và biến động tiền tệ; 81% người dùng đang cân nhắc mua vàng là minh chứng cho sức mua mạnh mẽ của Việt Nam.

- Thị trường vàng là thị trường mang tính toàn cầu, nhưng các chuỗi cung ứng trong từng nước và các kích cỡ thanh vàng khác nhau có thể tạo ra chênh lệch giá giữa các thị trường.

- Dù có thể phục vụ nhu cầu thẩm mỹ, trang sức vàng thường được mua với động cơ tài chính. Nhu cầu của người tiêu dùng vẫn nằm ở mức cao trong bối cảnh các nền kinh tế tiếp tục phục hồi và mở cửa.

Nguồn: Hội đồng vàng thế giới

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường tiền tệ trong tuần 32:

- Lãi suất LNH giảm mạnh ở tất cả các kỳ hạn
- Ngân hàng Nhà nước chào thầu trên kênh cầm cố, kỳ hạn 7 ngày, đấu thầu lãi suất qua hoạt động thị trường mở. Có 7.703,35 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất dao động từ 3,8% đến 4,4%.

- Tuần từ 08/08 - 12/08, sau khi nối tiếp đà tăng của tuần trước đó ở phiên đầu tuần, lãi suất VND LNH giảm mạnh trở lại ở tất cả các kỳ hạn trong các phiên còn lại. Chốt ngày 12/08, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 2,67% (-1,55 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 1W 2,87% (-1,45 đpt); 2W 3,12% (-1,20 đpt); 1M 3,68% (-0,70%).

- Trên thị trường mở, NHNN chào thầu trên kênh cầm cố đều với kỳ hạn 07 ngày, đấu thầu lãi suất. Trong tuần có 10.999,95 tỷ đồng đáo hạn. NHNN chỉ chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 07 ngày tại phiên cuối tuần qua. Có 9.700 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất 2,6%, có 56.599,5 tỷ đồng tín phiếu đến hạn trong tuần. Như vậy, NHNN bơm ròng 43.602,9 tỷ VND ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 7.703,35 tỷ VND, khối lượng tín phiếu lưu hành là 24.125 tỷ đồng.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

- **Diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá USD/VND trong tuần 32 diễn ra ổn định.**

- Chỉ số USD Index trong tuần 32 trung bình giảm nhẹ so với tuần trước. Chốt phiên cuối tuần ở mức 105.674 điểm, giảm 0,903 điểm so với cuối phiên tuần trước.

- Trong tuần từ 08/08 - 12/08, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh theo xu hướng giảm. Chốt tuần 12/08, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.153 VND/USD, giảm mạnh 29 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

- Tỷ giá mua giao ngay được NHNN giữ nguyên niêm yết ở mức 22.550 đồng. Tỷ giá bán giao ngay được NHNN niêm yết ở mức 23.400 VND/USD trong cả tuần.

- Tỷ giá niêm yết của SBV giảm 10 đồng ở phiên đầu tuần và sau đó giữ nguyên ở mức 23.530 VND/USD trong suốt các phiên còn lại trong tuần.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp:

Tuần 32 (8/8/2022 - 12/8/2022)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là 5.000/ 9.500 tỷ đồng, trúng tương ứng với tỷ lệ 53%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng là : 10 năm - lãi suất 2,72% (+ 0,05 điểm % so với tuần trước); 15 năm - lãi suất 3% (+ 0,06 điểm % so với tuần trước)

Lũy kế từ đầu năm 2022, TPCP và TP có bảo lãnh CP đã huy động được 94.422 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán: Tuần qua các chỉ số chính của thị trường có điều chỉnh tăng so với tuần trước, nhưng thanh khoản bình quân giảm còn gần 16 nghìn tỷ đồng/phiên.

Trên thị trường thứ cấp:

Tuần 32 (8/8/2022 - 12/8/2022).

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 6.855 tỷ đồng/ phiên, tăng 8,5% so với tuần trước. Lợi suất ngày cuối tuần TPCP biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại có phát sinh giao dịch như sau:

2 năm	giảm	-0.1941	điểm %
5 năm	tăng	1.499	điểm %
10 năm	tăng	0.3	điểm %

Nguồn: HNX; HSX; NHNN

VN-Index ở phiên cuối tuần là 1262,33 điểm (+3,52 điểm; +0,8%) và HNX Index đóng cửa ở 303,42 điểm (+3,52 điểm; +1,2 %) so với tuần giao dịch trước;

Khối ngoại đã mua ròng gần 100 tỷ đồng trong tuần.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 12/8/2022 giảm so với tuần trước và còn ở mức là 74,9%. Với mức này thì giảm 13,9 điểm % so với cuối năm 2020 và giảm 48,53% so với cuối năm 2021.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày cuối tuần. (6,597 triệu tỷ VND)

2. GDP TCTK công bố 4 quý gần nhất - FMSIS (8,810 triệu tỷ VND)

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC

MỘT SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH				
Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
	Nghị định 51/2022/NĐ-CP sửa đổi mức thuế nhập khẩu ưu đãi xăng tại Nghị định 57/2020/NĐ-CP	08/08/2022	08/08/2022	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=2
CP	Nghị quyết 100/NQ-CP của Chính phủ về việc giao danh mục và mức vốn dự kiến bố trí cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh, bổ sung vốn ngân sách trung ương kế hoạch năm 2022 của các bộ, cơ quan, địa phương	08/08/2022	08/08/2022	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html?page=2
	2. Ngân hàng			
	3. Tài chính			
BTC	Thông tư 51/2022/TT-BTC sửa đổi Thông tư 324/2016/TT-BTC về quy định hệ thống mục lục ngân sách Nhà nước	11/08/2022	11/08/2022	https://luatvietnam.vn/tai-chinh/thong-tu-51-2022-tt-btc-227945-d1.html
II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO				
Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	4. Chính phủ, bộ ngành			
CP	Dự thảo Nghị định quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức	05/08/2022		https://luatvietnam.vn/du-thao.html
	5. Ngân hàng			
	6. Tài chính			
BTC	Dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐCP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	05/08/2022		https://mof.gov.vn/webcenter/portal/btcvn/pages_r/cd/du-thao-van-ban

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA